

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHAN THÙY DƯƠNG

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI
QUA THỰC TIỄN TẠI THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Dân sự
Mã số: 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2013

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Phương Lan

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi: ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm 20

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang bìa phụ

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

| | |
|----------------------------------------------------|---|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu..... | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu đề tài..... | 2 |
| 3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu..... | 4 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 5 |
| 5. Phương pháp nghiên cứu..... | 6 |
| 6. Điểm mới và đóng góp của đề tài nghiên cứu..... | 6 |
| 7. Kết cấu của luận văn..... | 7 |

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI | 8 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|

| | |
|--------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.1 Lý luận chung về nuôi con nuôi và pháp luật nuôi con nuôi | 8 |
| 1.1.1 Khái niệm chung về nuôi con nuôi..... | 8 |
| 1.1.2 Khái niệm chung về pháp luật nuôi con nuôi..... | 13 |
| 1.1.3 Sự cần thiết phải điều chỉnh việc nuôi con nuôi bằng pháp luật..... | 16 |
| 1.2 Lý luận chung về thực hiện pháp luật nuôi con nuôi | 22 |

| | | |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.2.1 | Khái niệm chung về thực hiện pháp luật..... | 22 |
| 1.2.2 | Thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi..... | 25 |
| 1.3 | Đặc điểm của việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi..... | 30 |
| 1.4 | Ý nghĩa của việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi..... | 32 |
| Chương 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON | | |
| NUÔI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG | | |
| NHỮNG NĂM QUA..... | | |
| | | 35 |
| 2.1 | Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi..... | 35 |
| 2.1.1 | Nguyên tắc tôn trọng quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc..... | 36 |
| 2.1.2 | Nguyên tắc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội..... | 39 |
| 2.1.3 | Chỉ cho làm con nuôi người nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước..... | 42 |
| 2.2 | Thực hiện các điều kiện của việc nuôi con nuôi..... | 46 |
| 2.2.1 | Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi..... | 47 |
| 2.2.2 | Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi..... | 50 |
| 2.2.3 | Ý chí của các chủ thể có liên quan trong việc cho nhận con nuôi..... | 53 |
| 2.2.4 | Đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền..... | 58 |
| 2.3 | Các biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ em..... | 63 |
| 2.3.1 | Nguyên tắc tìm gia đình thay thế cho trẻ em..... | 64 |

| | | |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.3.2 | Các biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ em | 66 |
| 2.4 | Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi | 69 |
| 2.4.1 | Trong quan hệ giữa cha mẹ nuôi, gia đình cha mẹ nuôi với con nuôi | 69 |
| 2.4.2 | Quan hệ giữa cha mẹ đẻ, gia đình cha mẹ đẻ với con đã cho làm con nuôi | 74 |
| 2.5 | Chấm dứt việc nuôi con nuôi | 76 |
| 2.5.1 | Căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi | 77 |
| 2.5.2 | Thủ tục giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi | 80 |
| 2.5.3 | Hệ quả pháp lý của chấm dứt việc nuôi con nuôi | 81 |
| Chương 3: VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG THỰC | | |
| HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI VÀ | | |
| MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO HIỆU | | |
| QUẢ CỦA VIỆC NUÔI CON NUÔI TẠI TỈNH | | |
| THỪA THIÊN HUẾ | | |
| | | 84 |
| 3.1 | Khái quát một vài nét về tình hình nuôi con nuôi | |
| | tại Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến 2011 | 84 |
| 3.1.1 | Khái quát điều kiện tự nhiên | 84 |
| 3.1.2 | Tình hình chung về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | 85 |
| 3.1.3 | Hoàn cảnh trẻ được cho làm con nuôi | 95 |
| 3.1.4 | Vấn đề nuôi con nuôi thực tế mà chưa đăng ký | 101 |
| 3.1.5 | Về thực hiện quan hệ cha mẹ và con giữa các bên khi việc nuôi con nuôi được công nhận tại tỉnh Thừa Thiên Huế | 106 |

| | | |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3.2 | Một số khó khăn vướng mắc trong thực thi pháp luật nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế những năm qua..... | 110 |
| 3.2.1 | Những khó khăn, vướng mắc trong thực tế giải quyết việc nuôi con nuôi | 110 |
| 3.2.2 | Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc | 122 |
| 3.3 | Một số kiến nghị nhằm đảm bảo hiệu quả của việc nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế | 125 |
| 3.3.1 | Cần hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi | 125 |
| 3.3.2 | Tăng cường vai trò của Cơ quan con nuôi Trung ương | 127 |
| 3.3.3 | Về cơ chế..... | 128 |
| 3.3.4 | Vấn đề tổ chức thực hiện tại địa phương..... | 129 |
| | KẾT LUẬN | 131 |
| | TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 132 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Các văn bản pháp luật trước đây cũng như Luật Nuôi con nuôi đã có những quy định cụ thể, điều chỉnh về lĩnh vực nuôi con nuôi, song vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại giữa lý luận và thực tế trong quá trình thực hiện pháp luật. Trong thực tiễn thực hiện pháp luật nuôi con nuôi cũng còn nhiều vấn đề bất cập, vướng mắc, ngay tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, tôi chọn đề tài **“thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi qua thực tiễn tại Thừa Thiên Huế”** để nghiên cứu nhằm đánh giá những kết quả đã đạt được cũng như những điểm còn hạn chế của pháp luật nuôi con nuôi hiện hành.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề nuôi con nuôi đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện bởi các công trình nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhưng cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về thực hiện pháp luật nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tổng quát

Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và các biện pháp tăng cường vai trò, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Tìm hiểu tình hình thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế, qua đó đánh giá việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Phân tích những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và một số giải pháp nhằm đảm bảo việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi có hiệu quả.

3. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nâng cao nhận thức cho người dân, cho các cán bộ nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực nuôi con nuôi; góp phần ổn định các quan hệ nuôi con nuôi trong xã hội. Đề Luật Nuôi con nuôi đi vào đời sống xã hội nói chung và ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng; Khẳng định bản chất tiến bộ, dân chủ và ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế và pháp luật quốc tế của pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về nuôi con nuôi và pháp luật nuôi con nuôi; Nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật về nuôi con nuôi; Nghiên cứu thực trạng nuôi con nuôi và việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi trên thực tế tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu các văn bản pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi được quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2005, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Luật Nuôi con nuôi năm 2010, có sự so sánh với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan điều chỉnh vấn đề nuôi con nuôi qua các giai đoạn khác nhau; Nghiên cứu thực trạng thực hiện việc nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến 2011. Trong phạm vi của luận văn thạc sĩ, chỉ nghiên cứu việc thực hiện một số các quy định về việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi.

5. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật nuôi con nuôi

Chương 2: Thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm qua

Chương 3: Vướng mắc, bất cập trong thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi và một số giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả của việc nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI

1.1 Lý luận chung về nuôi con nuôi và pháp luật nuôi con nuôi

1.1.1 Khái niệm chung về nuôi con nuôi

Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ, con giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

- Dưới góc độ xã hội

Nuôi con nuôi là một hiện tượng xã hội hình thành một cách tự nhiên trong đời sống của con người, nó xuất hiện và tồn tại từ lâu trong lịch sử, thể hiện sự gắn bó giữa con người với nhau trên cơ sở vì lợi ích chung, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con người và mang tính nhân đạo sâu sắc.

- Dưới góc độ pháp lý

Thứ nhất: Nuôi con nuôi là một sự kiện pháp lý.

Thứ hai: Nuôi con nuôi là một quan hệ pháp luật.

1.1.2. Khái niệm chung về pháp luật nuôi con nuôi

Pháp luật nuôi con nuôi là hệ thống tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, điều chỉnh việc xác lập, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa người nhận nuôi, người được nhận nuôi và các chủ thể khác có liên quan trong việc hình thành quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và con nuôi.

1.1.3 Sự cần thiết phải điều chỉnh việc nuôi con nuôi bằng pháp luật

Việc điều chỉnh bằng pháp luật việc nuôi con nuôi là cần thiết bởi những lý do sau đây:

- Quan hệ nuôi con nuôi là quan hệ cha mẹ và con phát sinh trên cơ sở ý chí của các chủ thể mà không phải phát sinh một cách tự nhiên từ quan hệ huyết thống. Với mục đích là xác lập quan hệ cha mẹ và con, bảo vệ quyền cơ bản của trẻ em; Việc nuôi con nuôi, đặc biệt là việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cần phải được điều chỉnh bằng pháp luật, đảm bảo sự phù hợp và tương thích với luật pháp quốc tế; Quy định các quy phạm pháp luật về nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp phát sinh, cũng như có cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực nuôi con nuôi

1.2 Lý luận chung về thực hiện pháp luật nuôi con nuôi

1.2.1 Khái niệm chung về thực hiện pháp luật

Thực hiện pháp luật là hành vi của con người phù hợp với những quy định của pháp luật. Thực hiện pháp luật gồm các hình thức cơ bản: áp dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật.

1.2.2 Thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi

- Tuân thủ pháp luật về nuôi con nuôi là việc các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về nuôi con nuôi phải tự kiểm chế không tiến hành các hoạt động mà pháp luật nuôi con nuôi ngăn cấm; Thi hành pháp luật về nuôi con nuôi đòi hỏi các chủ thể thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình được quy định trong pháp luật về nuôi con nuôi thông qua những hành động tích cực của mình trong việc thực

hiện pháp luật về nuôi con nuôi; Sử dụng pháp luật về nuôi con nuôi, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện những hành vi mà pháp luật về nuôi con nuôi cho phép, theo ý chí chủ quan của mình và không bị ép buộc phải thực hiện; Áp dụng pháp luật về nuôi con nuôi trong đó nhà nước thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật nuôi con nuôi để đưa ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hay thay đổi những quan hệ nuôi con nuôi.

1.3 Đặc điểm của việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi

Thứ nhất, quan hệ nuôi con nuôi được hình thành trên cơ sở ý chí, tình cảm, sự tự nguyện của các bên chủ thể nên việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi được các chủ thể thực hiện chủ yếu bằng việc sử dụng pháp luật.

Thứ hai, thực hiện pháp luật nuôi con nuôi chủ yếu là do các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi thực hiện dựa trên ý chí, tình cảm của họ, nó gắn liền với quyền và nghĩa vụ của các chủ thể nên thường được các chủ thể thực hiện một cách tích cực, chủ động và tự giác.

Thứ ba, trong quá trình thực hiện pháp luật nuôi con nuôi luôn có sự áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà chức trách có thẩm quyền.

Thứ tư, việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi đòi hỏi phải tuân thủ những hình thức và thủ tục chặt chẽ đối với cá nhân các chủ thể hoặc nhà chức trách có thẩm quyền vì việc nuôi con nuôi liên quan đến quyền và lợi ích của gia đình, đến lợi ích của nhà nước, của xã hội và quyền của trẻ em.

1.4 Ý nghĩa của việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi

- Bảo vệ thiết thực quyền của trẻ em, đặc biệt là quyền được sống trong môi trường gia đình của trẻ em, giải quyết được tình trạng trẻ em không được nuôi dưỡng, chăm sóc; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ nuôi con nuôi

- Phát hiện được những hạn chế, bất cập của pháp luật nuôi con nuôi, để từ đó có cơ sở đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn pháp luật về nuôi con nuôi.

- Tạo cơ chế thuận lợi và sự an toàn về mặt pháp lý cho quan hệ nuôi con nuôi, đảm bảo quyền cơ bản của trẻ em được nhận nuôi một cách hiệu quả nhất.

Chương 2

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG NHỮNG NĂM QUA

Trong phạm vi của luận văn, việc thực hiện pháp luật nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế được nghiên cứu qua một số nội dung cơ bản sau: nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi; vấn đề thực hiện các điều kiện của việc nuôi con nuôi; hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi và vấn đề chấm dứt nuôi con nuôi.

2.1 Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi

Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi là những quan điểm chỉ đạo, xuyên suốt quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi. Luật Nuôi con nuôi lần đầu tiên đã quy định về nguyên tắc giải quyết việc

nuôi con nuôi tại Điều 4. Những nguyên tắc này chưa được quy định một cách rõ ràng trong Luật HN&GD và các văn bản pháp luật về nuôi con nuôi trước đây.

2.1.1 Nguyên tắc tôn trọng quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc

Việc duy trì trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc với cha, mẹ đẻ là biện pháp bảo đảm cao nhất để thực hiện quyền sống của trẻ em, không ai được phép tách trẻ em ra khỏi cha, mẹ đẻ.

Để đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc này, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi đã áp dụng các quy định của Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP trong việc tư vấn, lấy ý kiến của cha mẹ đẻ, những người liên quan và ý kiến của bản thân trẻ đối với trẻ từ đủ 09 tuổi trở lên.

2.1.2 Nguyên tắc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội

Luật Nuôi con nuôi đã có các quy định cụ thể tại các điều: Điều 6 về bảo hộ quyền nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi; Điều 11 về quyền được biết nguồn gốc; Điều 13 về các hành vi bị cấm... Các quy định này đều hướng tới bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi.

2.1.3 Chỉ cho làm con nuôi người nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước

Đây là nguyên tắc được thừa nhận trong các văn kiện quốc

té. Lời nói đầu của Công ước Lahay 1993 về nuôi con nuôi quốc tế đã ghi: “Công nhận rằng, nuôi con nuôi quốc tế là đem lại mái ấm gia đình cho trẻ em không tìm được một gia đình thích hợp tại nước gốc của mình”.

Điều 15 Luật nuôi con nuôi đưa ra quy định về việc tìm gia đình thay thế trong nước, được thực hiện ở ba cấp: xã, tỉnh và trung ương, hết thời hạn này mà không có người trong nước nhận làm con nuôi, thì trẻ em mới được giới thiệu làm con nuôi người nước ngoài. Đây được xem như một biện pháp bắt buộc, trước khi giải quyết cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài

Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi, dường như những người đứng đầu của tổ chức, cơ sở nuôi dưỡng chưa nhận thức đúng đắn nhiệm vụ này. Do đó, cần phải có chỉ đạo cụ thể từ cơ quan cấp trên để các cơ sở nuôi dưỡng thực hiện tốt quy định này.

2.2 Thực hiện các điều kiện của việc nuôi con nuôi

2.2.1 Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi

Điều 8 Luật Nuôi con nuôi quy định người được nhận làm con nuôi là trẻ em dưới 16 tuổi. Trường hợp trẻ em từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng có thể được nhận làm con nuôi nếu được cha dưỡng, mẹ kế nhận làm con nuôi hoặc được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi. Tuy nhiên, do không kèm theo bất cứ điều kiện nào khác của người được nhận làm con nuôi dẫn đến một số trường hợp lợi dụng quy định này để đưa người thân ra nước ngoài định cư một cách hợp pháp chứ không nhằm xác lập

quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi đúng với bản chất của nó.

2.2.2 Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi

Về nguyên tắc người nhận con nuôi phải bảo đảm có đủ các điều kiện về năng lực hành vi dân sự, độ tuổi, tư cách đạo đức, sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi theo quy định tại Điều 14 Luật Nuôi con nuôi.

Trong nhiều năm qua, thực hiện giải quyết nuôi con nuôi trên toàn quốc nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng cho thấy một vấn đề tồn tại là thiếu tiêu chuẩn quy định đánh giá các điều kiện nuôi con nuôi đối với người nhận nuôi con nuôi trong nước về đạo đức, kinh tế.

2.2.3 Ý chí của các chủ thể có liên quan trong việc cho nhận con nuôi

Sự thể hiện ý chí của các chủ thể có liên quan trong việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi có ý nghĩa quan trọng trong việc cho, nhận con nuôi, do quan hệ nuôi con nuôi được xác lập trên cơ sở nuôi dưỡng và có tính chất tự nguyện.

- *Sự thể hiện ý chí của người nhận nuôi con nuôi:*

- *Sự thể hiện ý chí của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được cho làm con nuôi:*

- *Sự thể hiện ý chí của người được nhận làm con nuôi:* Khoản 1 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi quy định trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em

đó. Thực tế ở độ tuổi này trẻ em đã nhận thức được cuộc sống và nhận biết được nhu cầu tình cảm của mình. Trẻ có thể quyết định một cách độc lập có đồng ý làm con nuôi người khác hay không trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với nhận thức, tình cảm của trẻ đối với việc được nhận làm con nuôi.

- Sự thể hiện ý chí của Nhà nước:

2.2.4 Đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền

2.2.4.1 Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Khoản 1 Điều 9 của Luật Nuôi con nuôi quy định UBND cấp xã nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi hoặc của người nhận nuôi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước. Như vậy, theo quy định này thì người nhận con nuôi có thể nộp hồ sơ xin nhận con nuôi tại UBND cấp xã của một trong hai nơi.

2.2.4.2 Đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Khoản 2 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi quy định UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP khẳng định trách nhiệm của cơ quan nhà nước mà cụ thể là Sở Tư pháp trong việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ của trẻ em và xác nhận việc trẻ em có đủ điều kiện để cho làm con nuôi nước ngoài.

2.3 Các biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ em

Điều 15 Luật Nuôi con nuôi đã quy định về trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em. Luật HN&GD năm 2000 và các văn bản

hướng dẫn liên quan đến việc nuôi con nuôi trước đây chưa quy định cụ thể về trách nhiệm, biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ. Trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em không những thuộc về cha, mẹ, ông, bà, anh, chị ruột, hoặc người có quan hệ họ hàng, thân thích với trẻ khi họ không có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc, mà còn là trách nhiệm các cơ quan có thẩm quyền.

2.3.1 Nguyên tắc tìm gia đình thay thế cho trẻ em

Nguyên tắc tìm gia đình thay thế cho trẻ em từng được quy định trong Thông tư số 08/2006/TT-BTP và tiếp tục được quy định rõ hơn tại Điều 15 Luật Nuôi con nuôi. Mục đích cơ bản của nguyên tắc này là tạo cơ hội tối đa để đem lại cho trẻ em mái ấm gia đình trong nước. Thực hiện không tốt nguyên tắc này sẽ vô tình làm giảm cơ hội trẻ em được người trong nước nhận nuôi.

2.3.2 Các biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ em

Trong việc tìm gia đình thay thế cần xem xét cả hai khía cạnh: hoàn cảnh xã hội và hồ sơ pháp lý của trẻ. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải nắm được số lượng trẻ em cần tìm gia đình thay thế trên phạm vi toàn tỉnh, toàn quốc. Trên cơ sở đó có thể đề xuất ban hành các chính sách quản lý phù hợp.

2.4 Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi

2.4.1 Trong quan hệ giữa cha mẹ nuôi, gia đình cha mẹ nuôi với con nuôi

Khoản 1 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi không chỉ quy định mối quan hệ giữa con nuôi với cha mẹ nuôi mà còn quy định mối quan hệ

giữa con nuôi với gia đình cha mẹ nuôi. Nhằm bảo đảm sự hòa nhập một cách thực sự và toàn diện của con nuôi với gia đình cha mẹ nuôi.

Pháp luật cũng quy định việc con nuôi có quyền được biết về nguồn gốc của mình theo Điều 11 Luật Nuôi con nuôi.

2.4.2 Quan hệ giữa cha mẹ đẻ, gia đình cha mẹ đẻ với con đã cho làm con nuôi

Khác với quy định của một số nước trên thế giới là việc nuôi con nuôi theo hình thức trọn vẹn, sẽ cắt đứt hoàn toàn quan hệ với cha mẹ đẻ. Pháp luật Việt Nam quy định việc nuôi con nuôi không làm chấm dứt hoàn toàn quan hệ với cha mẹ đẻ, con đã cho làm con nuôi người khác vẫn có quyền thừa kế của cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi. Tuy nhiên điều này chưa được phù hợp với bản chất và thực tế trong quan hệ nuôi con nuôi trong nước cũng như quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Đây cũng là điểm khác biệt cơ bản giữa pháp luật Việt Nam và quy định của Công ước Lahay 1993.

2.5 Chấm dứt việc nuôi con nuôi

Chấm dứt việc nuôi con nuôi được áp dụng trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã được thực hiện, quan hệ cha mẹ và con đã được thiết lập, nhưng việc nuôi con nuôi không đạt được mục đích, quan hệ nuôi con nuôi không thể duy trì, do đó cần được chấm dứt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Luật Nuôi con nuôi không đưa ra khái niệm về chấm dứt việc nuôi con nuôi, tuy nhiên ta có thể hiểu: Chấm dứt việc nuôi con nuôi là việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt quan hệ giữa cha

mẹ và con theo yêu cầu của các bên hoặc do luật định.

2.5.1 Căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi

Được quy định tại Điều 25 Luật Nuôi con nuôi.

- *Con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi.* Hành vi tự nguyện chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi của cha mẹ nuôi và con nuôi đã thành niên phải đảm bảo sự thống nhất từ hai bên chủ thể hay nói một cách khác là cần có sự thoả thuận của cha mẹ nuôi và con nuôi. Thực tế để bảo vệ quyền lợi của cha mẹ nuôi trong những trường hợp như trên, pháp luật cần có quy định quan hệ nuôi con nuôi được chấm dứt khi một trong hai bên nhận thấy không thể đạt được mục đích của việc nuôi con nuôi.

- *Con nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá sản tài sản của cha mẹ nuôi.* Do các hành vi này của con nuôi đã phá vỡ mục đích của việc nuôi con nuôi, dẫn đến tình cảm của cha mẹ nuôi và con nuôi không còn nữa, nên chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi là hoàn toàn phù hợp.

- *Cha mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi.* Có thể nói đây là sự vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng của cha mẹ nuôi.

- *Vi phạm quy định tại Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi.* Khi quan hệ nuôi con nuôi được thiết lập trên cơ sở vi phạm các quy định

của pháp luật thì không được công nhận và phải chấm dứt, thậm chí phải chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

2.5.2 Thủ tục giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi

Khác với quan hệ pháp luật giữa cha mẹ đẻ và con đẻ không thể từ bỏ, chấm dứt về mặt pháp lý, quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có thể chấm dứt trong một số trường hợp nhất định. Điều 10 Luật Nuôi con nuôi quy định Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Khi mục đích của việc nuôi con nuôi không đạt được thì các chủ thể có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.

2.5.3 Hệ quả pháp lý của chấm dứt việc nuôi con nuôi

Có thể hiểu khi việc nuôi con nuôi chấm dứt sẽ phát sinh hậu quả pháp lý theo hướng: Chấm dứt mọi quan hệ về nhân thân và về tài sản giữa cha mẹ nuôi và con nuôi kể từ thời điểm quyết định của Tòa án; Khôi phục lại quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và người đã làm con nuôi.

Chương 3

VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC NUÔI CON NUÔI TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

3.1 Khái quát một vài nét về tình hình nuôi con nuôi tại Thừa Thiên Huế từ năm 2001 đến 2011

3.1.1 Khái quát điều kiện tự nhiên

Tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích tự nhiên là 5054 km², nằm trên một dải đất hẹp với chiều dài 127 km, chiều rộng trung bình 60km, với đầy đủ các dạng địa hình trong đó núi chiếm 70% diện tích đất tự nhiên. Với 239.238 hộ gia đình. Trong đó, hộ nghèo chiếm 8,85%. Người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, cuộc sống có nhiều khó khăn, thu nhập bình quân hộ gia đình thấp. Có 8.631 trẻ thuộc các nhóm có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

3.1.2 Tình hình chung về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Do ảnh hưởng của phong tục tập quán, văn hóa nên việc nuôi con nuôi tại Thừa Thiên Huế không nhiều, mang tính chất đơn giản, chủ yếu là cho nhận con nuôi trong nước. Từ năm 2001 đến 2011 có 143 trẻ em được nhận làm con nuôi, trong đó 108 trẻ em được người trong nước nhận làm con nuôi và 35 trẻ em được người nước ngoài nhận làm con nuôi.

3.1.2.1 Tình hình nuôi con nuôi trong nước tại Thừa Thiên Huế

Với 108 trường hợp trẻ em được người trong nước nhận làm con nuôi. Trong đó phần lớn là trẻ em được người thân nhận nuôi, trẻ mồ côi, bị bỏ rơi. Các gia đình nhận nuôi đều có khả năng về kinh tế, nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt, giúp cho trẻ phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

3.1.2.2 Tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Đã giải quyết 35 trường hợp trẻ em trong nước được người

nước ngoài nhận làm con nuôi, *trung bình mỗi năm có 3,18 trẻ được người nước ngoài nhận nuôi. Trẻ dưới 1 tuổi chiếm tỉ lệ 63%.*

Qua nghiên cứu các báo cáo về tình hình phát triển của trẻ em và nắm bắt từ thực tế một số gia đình nước ngoài nhận nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế thấy rằng trẻ em ở cùng cha mẹ nuôi được chăm sóc tốt, con nuôi hội nhập nhanh với môi trường nước nhận.

3.1.3 Hoàn cảnh trẻ được cho làm con nuôi

- *Về nguồn gốc:* Có thể phân thành 3 loại trẻ em thường được nhận làm con nuôi đó là: trẻ bị bỏ rơi, trẻ bị cha mẹ xao nhãng, không chăm sóc và trẻ mồ côi.

- *Về độ tuổi, sức khỏe của trẻ được cho làm con nuôi:*

Trẻ càng nhỏ tuổi, mạnh khỏe càng dễ được nhận làm con. 90% cha mẹ nuôi người nước ngoài mong muốn nhận trẻ dưới 2 tuổi, có sức khỏe tốt, không phân biệt giới tính làm con nuôi.

- *Nguồn trẻ em được giải quyết làm con nuôi:*

Qua thống kê tình hình cho nhận trẻ em trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, thấy rằng có hai nguồn trẻ em được cho làm con nuôi: từ gia đình 48/143 trường hợp; từ cơ sở nuôi dưỡng, các tổ chức từ thiện 95/143 trường hợp.

3.1.4 Vấn đề nuôi con nuôi thực tế mà chưa đăng ký

Theo số liệu từ báo cáo và trao đổi nghiệp vụ của cán bộ tư pháp có khoảng 15 trường hợp nuôi con nuôi thực tế mà chưa đăng ký trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

3.1.5 Về thực hiện quan hệ cha mẹ và con giữa các bên khi việc nuôi con nuôi được công nhận tại tỉnh Thừa Thiên Huế

- Quan hệ giữa con nuôi với cha mẹ nuôi và các thành viên trong gia đình cha mẹ nuôi. Thông qua các báo cáo phát triển của con nuôi và qua khảo sát thực tế cho thấy trẻ em được nhận làm con nuôi được cha mẹ nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, trẻ hội nhập nhanh với môi trường của gia đình cha mẹ nuôi.

- Quan hệ giữa cha mẹ đẻ, gia đình cha mẹ đẻ với con đã cho làm con nuôi. Con đã cho làm con nuôi người khác được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật của cha mẹ đẻ.

3.2 Một số khó khăn vướng mắc trong thực thi pháp luật nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế những năm qua

3.2.1 Những khó khăn, vướng mắc trong thực tế giải quyết việc nuôi con nuôi

- Nhận thức chưa đúng về vấn đề con nuôi
- Cố tình làm sai lệch nguồn gốc trẻ
- Hạn chế về kiến thức pháp luật của người dân
- Trình tự thủ tục giải quyết
- Về hệ quả pháp lý của nuôi con nuôi.
- Việc kết hôn giữa con đẻ và con nuôi của cùng một người.
- Về quan hệ nuôi con nuôi thực tế

3.2.2 Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Quy định pháp luật chưa bảo đảm tính khả thi
- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật còn hạn chế

- Thiếu sự đồng bộ trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan

3.3 Một số kiến nghị biện pháp nhằm đảm bảo hiệu quả của việc nuôi con nuôi tại tỉnh Thừa Thiên Huế

3.3.1 Cần hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi

- Quy định độ tuổi tối đa đối với người nhận con nuôi.
- Về biện pháp tìm gia đình thay thế:
- Đối với việc công nhận nuôi con nuôi thực tế
- Cần phải bổ sung và làm rõ quy định về vấn đề ‘hủy việc nuôi con nuôi’ đối với những trường hợp vi phạm pháp luật trong việc nuôi con nuôi.

- Thống nhất biểu mẫu nuôi con nuôi
- Có quy định chế tài nghiêm đối với những trường hợp cố tình khai báo gian dối, làm sai lệch nguồn gốc của trẻ nhằm mục đích vụ lợi, không đúng mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con

3.3.2 Tăng cường vai trò của Cơ quan con nuôi Trung ương

3.3.3 Về cơ chế

- Có chế độ đãi ngộ đối với cán bộ tư pháp – hộ tịch cấp xã
- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban ngành đoàn thể các cấp để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho các ngành, các cấp và nhân dân nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của trẻ em đối với gia đình, cộng đồng và xã hội.

- Xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức phụ trách công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các cấp.

3.3.4 Vấn đề tổ chức thực hiện tại địa phương

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành kiểm tra, rà soát lại các cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các Sở, ngành tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các Sở, ngành.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nhận thức của mình thông qua cơ sở lý luận và việc nghiên cứu thực tiễn hoạt động nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi chỉ ra được các bất cập, khiếm khuyết trong các quy định của pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn, đồng thời phân tích đặc điểm, điều kiện, tâm lý của người Việt Nam để đưa ra một số đề xuất, giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi, góp phần thúc đẩy quan hệ nuôi con nuôi theo đúng đường lối, chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.